

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Võ Hùng Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị phi H** - sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Lê Hải D** - sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: thôn V, xã K, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị phi H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, thành phố H, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/4/2011. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà mẹ chồng. Đến năm 2016, anh chị xây nhà riêng. Năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh D cờ bạc gây nợ và có phụ nữ khác. Gia đình đã bán ngôi nhà để trả nợ. Đầu năm 2019, anh chị không còn sống chung với nhau. Hiện nay, chị và 02 con đang sống nhờ tại nhà cha mẹ ruột tại thôn S, xã Đ. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh D được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh D có 02 con chung tên

Lê Thị Hồng T – sinh ngày 03/7/2011 và Lê Thị Hồng N – sinh ngày 04/9/2013, con chung hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lê Hải D nhưng anh D không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phi H. Về hôn nhân: chị H được ly hôn với anh D. Về con chung: giao 02 con chung cho chị H chăm sóc, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị phi H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hải D. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hải D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị H và anh D xảy ra mâu thuẫn chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Kiến, thành Phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 18/4/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh D đánh bạc, nợ nần, gia đình phải bán nhà trả nợ. Hiện nay chị và các con đang sống nhờ tại nhà cha

mẹ chị, giữa anh chị không tin tưởng lẫn nhau. Hội đồng xét xử thấy giữa chị H và anh D không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung tên Lê Thị Hồng T – sinh ngày 03/7/2011 và Lê Thị Hồng N – sinh ngày 04/9/2013, các con chung hiện đang sống cùng chị H, tình cảm mẹ con gắn bó. Chị H có nguyện vọng nuôi các con chung. Các cháu T và N có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H và các con chung. Giao cháu T và cháu N cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị phi H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị phi H được ly hôn với anh Lê Hải D.

* Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Hồng T – sinh ngày 03/7/2011 và Lê Thị Hồng N – sinh ngày 04/9/2013 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Nguyễn Thị phi H phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền

ký hiệu AA/2019/0004368 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị H đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Dương sự (2);
- UBND xã K, tp. H, PY (1);
- Lưu hồ sơ (2); Ấn Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương